

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Minh

Bà Nguyễn Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện P, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1996; địa chỉ: thôn H, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Nguyễn Ngọc Đ tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào năm 2019. Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà xảy ra nhiều bất đồng mâu thuẫn do ông Đ không tu chí làm ăn để lo cho gia đình mà suốt ngày

nhậu nhẹt, cờ bạc. Bà L khuyên ông Đ từ bỏ thói hư tật xấu để làm ăn lo cho cuộc sống gia đình, nhưng ông Đ không nghe mà còn nhiều lần đánh đập gây thương tích cho bà L. Nay, bà L không còn tình cảm gì với ông Đ nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L ly hôn với ông Đ.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Trúc L1, sinh ngày 01-02-2015. Khi ly hôn, bà L có nguyện vọng trực tiếp nhận nuôi cháu L1 cho đến khi cháu L1 đủ tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*), bà Lợi không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, buổi làm việc tại Tòa án, ông Nguyễn Ngọc Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân, ông Đ và bà L tự nguyện tìm hiểu, xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND xã D, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Trong thời gian chung sống, vợ chồng ông cũng có xảy ra nhiều mâu thuẫn do trong lúc nóng giận ông Đ có đánh bà L. Ông Đ vẫn còn tình cảm với bà L, nên muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng ông đoàn tụ, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

- Về nuôi con chung: vợ chồng ông có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Trúc L1, sinh ngày 01-02-2015, ông không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về việc nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc L về quan hệ hôn nhân và về nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh*

chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Đ cư trú tại thôn H, xã T, huyện Phú Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện P, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Đ.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Đ xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND xã D, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Hội đồng xét xử thấy, trong thời gian chung sống giữa bà L và ông Đ có nhiều bất đồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Bà L xác định không còn tình cảm với ông Đ và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Ông Đ thừa nhận trong lúc nóng giận cũng có đánh bà L, nhưng ông cho rằng vẫn còn tình cảm với bà L nên mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng ông đoàn tụ, ông không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, sau khi đến Tòa án tham gia hòa giải lần đầu thì Tòa án đã triệu tập nhiều lần ông Đ đến Tòa án làm việc và hòa giải nhưng ông Đ không đến, cho thấy ông Đ không có thiện chí mong muốn hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng. Thực tế, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không tìm được biện pháp hữu hiệu điều hòa, giải quyết mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Đ đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Ngọc Đ ly hôn.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà L và ông Đ có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Trúc L1, sinh ngày 01-02-2015. Xét thấy, cháu L1 hiện nay còn nhỏ, từ khi sinh ra cho đến nay sống cùng với bà L, được bà L nuôi dưỡng tốt và phát triển bình thường; bà L có công việc làm và thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi cháu L1 đủ tuổi thành niên. Ông Đ không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Ngọc Trúc L1, sinh ngày 01-02-2015 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L1 đủ tuổi thành niên. Bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản, nợ chung: Bà L, ông Đ khai là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc L là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Ngọc Đ ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Trúc L1, sinh ngày 01-02-2015 cho bà Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu L1 đủ tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*)

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004114, ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú

Ninh, tỉnh Quảng Nam. Bà L đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã D;
- VKSND huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Văn Long

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

tòa

Thẩm phán – Chủ tọa phiên